

Số: /PA-HĐBTGPMB

Triệu Sơn, ngày tháng 7 năm 2021

PHƯƠNG ÁN

Về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư GMB dự án Quy hoạch chi tiết khu dân cư Đình Cũ và thôn 9, xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 3162/2014/QĐ-UBND ngày 26/9/2014 về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh; số 44/2019/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 về việc quy định bảng giá đất thời kỳ 2020-2024 trên địa bàn tỉnh; số 5653/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021 trên địa bàn tỉnh; số 473/2017/QĐ-UBND ngày 14/02/2017 về việc quy định mức trích, mức chi cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh; số 4527/QĐ-UBND ngày 17/12/2014 về việc ủy quyền cho UBND các huyện, thị xã, thành phố quyết định thu hồi đất; số 25/2019/QĐ-UBND ngày 06/8/2019 về việc Ban hành Bảng giá xây dựng mới nhà ở, nhà tạm, công trình kiến trúc làm cơ sở xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất và Quy định việc xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ; số 11/2020/QĐ-UBND ngày 20/3/2020 về việc Ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi làm cơ sở xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa và Quy định việc xác định giá trị bồi thường; số 08/2021/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 sửa đổi tên gọi và một số điều của Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 20/3/2020 của UBND tỉnh và Quy định việc xác định giá trị bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi ban hành kèm theo Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 20/3/2020 của UBND tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 121/NQ-HDND ngày 13/12/2018 về việc chấp thuận danh mục dự án phải thu hồi đất và chuyển mục đích đất lúa trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 2019/QĐ-UBND ngày 03/6/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện Triệu Sơn;

Căn cứ Quyết định số 8755/QĐ-UBND ngày 17/11/2021 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn về việc phê duyệt mặt bằng Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân Đình Cũ và Thôn 9, xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn;

Căn cứ Quyết định số 8922/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 về việc thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư GPMB dự án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân Đình Cũ và Thôn 9, xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn;

Căn cứ Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 1016/TLBĐ ngày 16/12/2020 do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai huyện Triệu Sơn lập;

Hội đồng bồi thường GPMB dự án lập Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư GMB dự án Quy hoạch chi tiết khu dân Đình Cũ và Thôn 9, xã Thọ Ngọc với những nội dung sau:

1. Đối tượng: Các hộ gia đình, cá nhân có đất, vật kiến trúc, cây cối, hoa màu bị ảnh hưởng bởi dự án.

- Tổng số hộ bị ảnh hưởng: 19 hộ gia đình, cá nhân và 2 tổ chức.
- Số hộ có đất bị thu hồi: 18 hộ gia đình, cá nhân và 1 tổ chức.
- Số hộ phải bố trí tái định cư: Không.
- Số lượng mồ mả phải di chuyển: Không.

2. Tổng diện tích đất thu hồi: 21.323,1 m² đất, trong đó: Đất trồng Lúa (LUC): 18.927,3 m², đất văn hóa (DVH): 1.260.1 m², đất năng lượng (DNL): 35,6 m², đất giao thông (DGT): 937,7 m², đất thủy lợi (DTL): 162,4 m².

3. Phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng

3.1. Bồi thường Lúa

Áp dụng các Quyết định của UBND tỉnh: số 3162/2014/QĐ-UBND ngày 26/9/2014, số 11/2020/QĐ-UBND ngày 20/03/2020, số 08/2021/QĐ-UBND ngày 20/5/2021: Đối với các hộ bị thu hồi đất trồng Lúa: Được bồi thường 1 vụ Lúa, đơn giá bồi thường Lúa: 5.000 đ/m².

3.2. Đối với các hộ gia đình, cá nhân có đất trồng Lúa bị thu hồi thì được bồi thường, hỗ trợ bằng tiền, cụ thể:

- Bồi thường đất trồng Lúa

+ Đơn giá bồi thường, hỗ trợ diện tích đất thu hồi: Áp dụng theo Quyết định số 44/2019/QĐ-UBND ngày 23/12/2019, Quyết định số 5653/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh.

+ Vị trí các thửa đất thu hồi: Vị trí 1.

+ Giá đất bồi thường: 40.000đ/1 m².

- Các chính sách hỗ trợ: Áp dụng Quyết định số 3162/2014/QĐ-UBND ngày 26/9/2014 của UBND tỉnh, các chính sách hỗ trợ như sau:

+ Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm

Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất ngoài việc bồi thường bằng tiền 40.000đ/1m² còn được hỗ trợ chuyển đổi nghề

nghiệp và tìm kiếm việc làm với mức hỗ trợ bằng tiền bằng 1,5 lần giá đất nông nghiệp đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi ($40.000 \times 1,5 = 60.000\text{đ}/1\text{m}^2$).

+ Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất

Các hộ bị thu hồi từ 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 6 tháng, mức hỗ trợ cho một khẩu được tính bằng 30 kg gạo tẻ/khẩu/tháng theo giá trung bình thị trường là 10.000 đồng/kg.

Các hộ bị thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 12 tháng, mức hỗ trợ cho một khẩu được tính bằng 30 kg gạo tẻ/khẩu/tháng theo giá trung bình thị trường là 10.000 đồng/kg.

3.3. Bồi thường, hỗ trợ tài sản vật kiến trúc trên đất: Áp dụng Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 06/8/2019 của UBND tỉnh.

3.5 Bồi thường cây cối, hoa màu: Áp dụng các Quyết định: số 11/2020/QĐ-UBND ngày 20/03/2020; số 08/2021/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 của UBND tỉnh.

4. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ GPMB: 2.683.088.474 đồng (Một tỷ, không trăm bảy một triệu, không trăm ba sáu nghìn, bảy trăm hai mươi đồng); trong đó:

- Bồi thường về đất:	728.872.000 đồng;
- Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp:	1.093.308.000 đồng;
- Bồi thường cây cối hoa màu:	93.658.460 đồng;
- Hỗ trợ ổn định đời sống:	43.200.000 đồng;
- Bồi thường vật kiến trúc:	671.440.436 đồng;
- Chi phí tổ chức thực hiện (2%):	52.609.578 đồng.

(Chi tiết có Bảng tổng hợp kèm theo)

5. Nguồn kinh phí: Do UBND xã Thọ Ngọc bố trí.

6. Tiến độ thực hiện: Quý III năm 2021.

Kính trình UBND huyện xem xét quyết định./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND huyện;
- Các phòng, đơn vị liên quan;
- UBND xã Thọ Ngọc;
- Lưu: VT, HDGPMB.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

**PCT UBND HUYỆN
Lê Phú Quốc**

